

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG

**CÔNG KHAI ĐỐI CHIẾU QUÝ II
NGÂN SÁCH KHO BẠC NĂM 2025**

Số: 103 /QĐ-LHP

Uông Bí, ngày 30 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V.v công bố công khai đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách quý II năm 2025

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/-TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục hệ giáo dục Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 V/v Giao dự toán Thu – Chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý II năm 2025 ngày 29/06/2025.

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý II năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong (theo các biểu đính kèm) thành phần tổ gồm có:

- | | | |
|------------------------------|------------------------------|--------------|
| 1. Bà: Hoàng Thị Huệ | - Chức vụ: Hiệu trưởng | - Tổ trưởng |
| 2. Bà: Trịnh Thị Tuyết Nhung | - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng | - Thành viên |
| 3. Bà: Đỗ Thị Hằng | - Chức vụ: Kế toán | - Thành viên |
| 4. Bà: Đỗ Thị Ngọc Hà | - Chức vụ: Thư ký nhà trường | - Thành viên |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Hiệu trưởng, kế toán và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Công khai lên trang web và bảng tin nhà trường;
- Lưu :KT.



BIÊN BẢN

V.v công bố công khai đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách quý II năm 2025

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/-TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục hệ giáo dục Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 V/v Giao dự toán Thu – Chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý II năm 2025 ngày ..29../06/2025.

Căn cứ đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý II ngày 30 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số...103../QĐ-LHP ngày 30/06/2025 V.v công bố công khai đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách quý II năm 2025.

Hôm nay, vào hồi 16h30phút ngày 30/06/2025, tại hội trường trường TH Lê Hồng Phong;

1. Thành phần:

- | | | |
|------------------------------|------------------------------|--------------|
| 1. Bà: Hoàng Thị Huệ | - Chức vụ: Hiệu trưởng | - Tổ trưởng |
| 2. Bà: Trịnh Thị Tuyết Nhung | - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng | - Thành viên |
| 3. Bà: Đỗ Thị Hằng | - Chức vụ: Kế toán | - Thành viên |
| 4. Bà: Đỗ Thị Ngọc Hà | - Chức vụ: Thư ký nhà trường | - Thành viên |

- Toàn bộ CB-GV-NV nhà trường: 31/31đ/c;

2. Nội dung: Tiến hành niêm yết công khai đối chiếu Quý II/2025 từ tháng 03 - tháng 06 năm 2025 như sau:

2.1. Bảng Đối chiếu sử dụng NSNN Quý II từ tháng 03 - tháng 06 năm 2025.

2.2. Thời gian niêm yết: 90 ngày từ 30/06/2025 đến hết ngày 30/08/2025;

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng công khai trường TH Lê Hồng Phong;

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai nêu trên, đề nghị gửi kiến nghị về qua bà Đỗ T. Ngọc Hà – thư ký (địa chỉ Gmail: Ngocha300889@gmail.com - ĐT: 0976.916.859) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Giao bà Đỗ T. Ngọc Hà thực hiện việc bảo đảm an toàn các bảng biểu từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 17h00 phút cùng ngày. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 01 bản và lưu tại hồ sơ công khai của nhà trường.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trịnh T. Tuyết Nhung

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Đỗ T. Ngọc Hà

CHỦ TRÌ



**Hoàng Thị Huệ
(Hiệu trưởng)**

KẾ TOÁN



Đỗ Thị Hằng



Ngày ký: 29/06/2025 15:58:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 6 Năm 2025

Tên đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Mã ĐVQHNS: 1093325

Địa chỉ: Tổ 22 khu 5 phường Bắc Sơn - TP Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3713.0.1093325.00000				
Số dư đầu kỳ	91.593			
Phát sinh tăng trong kỳ	15.710.000			
Phát sinh giảm trong kỳ	15.710.000			
Số dư cuối kỳ	91.593			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 29 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Người ký: Vũ Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 29/06/2025 15:58:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III

Vũ Thị Thanh Hiền

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 29 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đỗ Thị Hằng
Ngày ký: 29/06/2025 12:23:00
Đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Đỗ Thị Hằng

Người ký: Hoàng Thị Huệ
Ngày ký: 29/06/2025 13:57:16
Đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Hoàng Thị Huệ

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong
Mã ĐVQHNS: 1093325
Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 29/06/2025 15:59:14
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	199.250.000	950.136.700	1.219.386.700	1.219.386.700	81.876.764	138.515.944	0	0	0	1.080.870.756
13	072	00000	0	7.277.212.000	0	7.277.212.000	7.277.212.000	1.643.612.185	3.361.038.211	0	0	0	3.916.173.789
18	072	00000	0	331.000.000	0	331.000.000	331.000.000	7.020.000	7.020.000	0	0	0	323.980.000
Cộng:			0	7.807.462.000	950.136.700	8.827.598.700	8.827.598.700	1.732.508.949	3.506.574.155	0	0	0	5.321.024.545
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 29 tháng 6 năm 2025

Kế toán
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Thu

Người ký: Võ Tài Tâm
Ngày ký: 29/06/2025 15:59:14
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 29 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đỗ Thị Hằng
Ngày ký: 29/06/2025 12:27:01
Đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Người ký: Hoàng Thị Huệ
Ngày ký: 29/06/2025 13:57:10
Đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Mã ĐVQHNS: 1093325

Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 29/06/2025 15:59:14
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 8 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp khác	12	072	6149	00000	0	0	26.276.764	64.915.944	26.276.764	64.915.944
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Thuê lao động trong nước	12	072	6757	00000	0	0	52.000.000	70.000.000	52.000.000	70.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	812.222.803	1.612.151.803	812.222.803	1.612.151.803
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	11.232.000	22.464.000	11.232.000	22.464.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	279.785.610	557.409.060	279.785.610	557.409.060
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	2.106.000	4.212.000	2.106.000	4.212.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	133.336.798	261.253.135	133.336.798	261.253.135
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	167.438.530	331.777.063	167.438.530	331.777.063
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	38.271.665	75.834.758	38.271.665	75.834.758
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	12.667.711	31.867.033	12.667.711	31.867.033
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	5.475.600	12.729.600	5.475.600	12.729.600
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	9.708.509	16.758.808	9.708.509	16.758.808
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	4.862.709	9.493.301	4.862.709	9.493.301
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	9.529.000	23.499.000	9.529.000	23.499.000

Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	8.845.000	15.855.000	8.845.000	15.855.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	072	6601	00000	0	0	0	2.940.000	0	2.940.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	1.584.000	2.074.000	1.584.000	2.074.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	072	6608	00000	0	0	0	4.246.400	0	4.246.400
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	072	6701	00000	0	0	500.000	500.000	500.000	500.000
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	1.500.000	3.000.000	1.500.000	3.000.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	2.000.000	38.000.000	2.000.000	38.000.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	10.030.000	13.030.000	10.030.000	13.030.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	1.880.450	1.880.450	1.880.450	1.880.450
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	072	7004	00000	0	0	0	12.248.000	0	12.248.000
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	118.564.800	217.992.800	118.564.800	217.992.800
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	072	7757	00000	0	0	3.481.000	3.481.000	3.481.000	3.481.000
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	1.390.000	79.141.000	1.390.000	79.141.000
Thường đột xuất	18	072	6202	00000	0	0	7.020.000	7.020.000	7.020.000	7.020.000
Cộng:					0	0	1.732.508.949	3.506.574.155	1.732.508.949	3.506.574.155
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 29 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Thu

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 29 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Vũ Thị Thanh Hiền
Ngày ký: 29/06/2025 15:59:14
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 8 - Khoa học Nhà nước Khu vực III

Vũ Thị Thanh Hiền

Người ký: Đỗ Thị Hằng
Ngày ký: 29/06/2025 12:27:01
Đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Đỗ Thị Hằng

Người ký: Hoàng Thị Huệ
Ngày ký: 29/06/2025 13:57:10
Đơn vị: Trường tiểu học Lê Hồng Phong

Hoàng Thị Huệ